

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: B1.403
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 23/02/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0066	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	16/08/1999			
2	TA0067	ĐOÀN THU	HỒNG	10/02/2000			
3	TA0068	ĐẶNG VĂN	HUẤN	18/08/1999			
4	TA0069	NGUYỄN THỊ	HUỆ	13/05/1999			
5	TA0070	TRẦN MẠNH	HÙNG	23/03/1999			
6	TA0071	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	28/01/1999			
7	TA0072	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	29/05/1993			
8	TA0073	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	08/10/1999			
9	TA0074	TRẦN NGỌC	HÙNG	12/08/1999			
10	TA0075	NGUYỄN VĂN	HÙNG	10/06/1999			
11	TA0076	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	30/12/1997			
12	TA0077	VŨ THỊ	HƯƠNG	29/06/1999			
13	TA0078	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	24/07/1999			
14	TA0079	PHẠM LÊ QUỐC	HỮU	30/10/1999			
15	TA0080	PHẠM ĐĂNG	HUY	22/09/1999			
16	TA0081	PHẠM QUANG	HUY	11/11/1999			
17	TA0082	LÊ THỊ	HUYỀN	18/09/1999			
18	TA0083	ĐẠI NGỌC	HUYỀN	10/02/1999			
19	TA0084	TRẦN THỊ KHÁNH	HUYỀN	09/04/1999			
20	TA0085	QUÁCH THỊ	HUYỀN	12/08/1999			
21	TA0086	NGUYỄN ĐỨC	KHÁNH	23/12/1999			
22	TA0087	THÂN TRỌNG	KHÁNH	30/09/1999			
23	TA0088	NGUYỄN NGỌC	LÂM	08/12/1999			
24	TA0089	PHẠM TÙNG	LÂM	02/08/1999			

25	TA0090	NGUYỄN THUỖ	LINH	24/09/1999			
26	TA0091	TRẦN NGỌC	LINH	11/11/1999			
27	TA0092	ĐỖ NHẬT	LINH	26/09/1995			
28	TA0093	NGUYỄN THUỖ	LINH	22/08/1999			
29	TA0094	CAO ĐĂNG	LONG	22/09/1999			
30	TA0095	NGUYỄN SỸ	LUÂN	01/03/1999			
31	TA0096	ĐỖ VĂN	LUẬT	29/03/1999			
32	TA0097	NGUYỄN THẢO	LY	01/01/1999			
33	TA0098	DƯƠNG THỊ HOA	MAI	11/03/1994			
34	TA0099	ĐẶNG HÙNG	MẠNH	28/09/1999			
35	TA0100	NGUYỄN VĂN	MẠNH	17/08/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)